

**THƯ MỜI BÁO GIÁ**  
**Gói thầu mua sinh phẩm chẩn đoán**  
**in vitro, vật tư y tế và hóa chất năm 2024**

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam.

*Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;*

*Căn cứ Nghị định 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý trang thiết bị Y tế; Nghị định số 07/2023/NĐ-CP ngày 03/3/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế;*

*Căn cứ Nghị quyết số 30/NQ-CP ngày 04/3/2023 của Chính phủ về việc tiếp tục thực hiện các giải pháp đảm bảo thuốc, trang thiết bị y tế;*

*Căn cứ Thông tư số 14/2023/TT-BYT ngày 30/6/2023 của Bộ tế quy định trình tự, thủ tục xây dựng giá gói thầu mua sắm hàng hóa và cung cấp các dịch vụ thuộc lĩnh vực trang thiết bị y tế tại các cơ sở y tế công lập;*

*Căn cứ Quyết định số 251/QĐ-BVP ngày 02/11/2023 của Bệnh viện Phổi tỉnh Điện Biên phê duyệt danh mục, số lượng sinh phẩm chẩn đoán in vitro, vật tư y tế và hóa chất năm 2024 do Bệnh viện Phổi đấu thầu;*

*Căn cứ Biên họp số 490/BB-HĐT&ĐT ngày 23/10/2023 của Hội đồng thuốc và điều trị xây dựng yêu cầu kỹ thuật cho sinh phẩm chẩn đoán in vitro, vật tư y tế và hóa chất năm 2024 do Bệnh viện Phổi đấu thầu;*

Bệnh viện Phổi có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu mua sinh phẩm chẩn đoán in vitro, vật tư y tế và hóa chất năm 2024 với nội dung cụ thể như sau:

**I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá**

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Phổi tỉnh Điện Biên.

Địa chỉ: Tổ dân phố 2, Phường Noong Bua, TP. Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

Khoa Dược - Xét nghiệm, Bệnh viện Phổi tỉnh Điện Biên. Địa chỉ: Tổ dân phố 2, Phường Noong Bua, Thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Điện thoại: 0973 915 917.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá: Một trong các phương thức tiếp nhận sau

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Khoa Dược - Xét nghiệm, Bệnh viện Phổi tỉnh Điện Biên. Địa chỉ: Tổ dân phố 2, Phường Noong Bua, Thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Điện thoại: 0973 915 917.

- Nhận qua email: diudangbvl@gmail.com.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08h ngày 03 tháng 11 năm đến trước 17h ngày 11 tháng 11 năm 2023.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 03 tháng 11 năm 2023.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục thiết bị y tế: Danh mục chi tiết kèm theo.

2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế: Khoa Dược - Xét nghiệm, Bệnh viện Phổi tỉnh Điện Biên. Tổ dân phố 2, Phường Noong Bua, Thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên. Điện thoại: 0973 915 917.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: Sau 15 ngày kể từ khi hợp đồng có hiệu lực.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

- Điều khoản tạm ứng: Không.

- Điều khoản thanh toán: Trong vòng 90 ngày, kể từ ngày Bên mua nhận được đầy đủ chứng từ hợp lệ (theo quy định hiện hành) của Nhà thầu. Quá thời hạn này (nếu không phải do nguyên nhân khách quan chưa được cấp có thẩm quyền cấp kinh phí), nếu Bên mua vẫn chưa thanh quyết toán đầy đủ tiền hàng hoá gây khó khăn về mặt tài chính cho nhà thầu, làm chậm tiến độ cung ứng hàng hoá, ảnh hưởng đến công tác khám, chữa bệnh thì Bên mua phải chịu hoàn toàn trách nhiệm.

5. Các thông tin khác (nếu có): Không.

Bệnh viện Phổi tỉnh Điện Biên thông báo mời tham gia báo giá gói thầu mua sinh phẩm chẩn đoán in vitro, vật tư y tế và hóa chất năm 2024. Kính đề nghị các hãng sản xuất, nhà cung cấp có nguyện vọng tham gia gói thầu trên gửi báo giá đến Bệnh viện Phổi tỉnh Điện Biên theo địa chỉ trên./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Cổng thông tin điện tử của SYT tỉnh Điện Biên;
- Lưu: VT, KD.

**GIÁM ĐỐC**



**BsCKII. Lê Văn Lương**



## DANH MỤC TRANG THIẾT BỊ Y TẾ

Gói thầu mua sinh phẩm chẩn đoán in vitro, vật tư y tế và hóa chất năm 2024

(Kèm theo Thư mời báo giá số 503/TM-BVP ngày 03/11/2023 của Bệnh viện Phổi tỉnh Điện Biên)

STT	Tên danh mục	Tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
	<b>1. Sinh phẩm chẩn đoán in vitro</b>			
1	Test thử đường huyết	Sử dụng kèm theo máy đo đường huyết	Test	250
	<b>2. Vật tư y tế</b>			
1	Ambu bóp bóng loại to, nhỏ	Bóng bóp PVC có tay cầm, dung tích 1600ml tích hợp van giảm áp an toàn, phôi giả 2500ml, mask thở Oxy người lớn, Dây oxy sử dụng một lần dài 2m, airway có chiều dài từ 80mm đến 100mm.- Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	1
2	Bẫy khí quản thủy tinh 2 nòng	Bình chất lượng thủy tinh, có 2 nòng	Cái	200
3	Băng keo lụa 5cm x 5m	Vải lụa Taffeta trắng, 100% sợi cellulose acetate, số sợi 44x19,5 sợi/cm, keo Zinc oxide không dùng dung môi phù đều. Lõi nhựa liền cánh bảo vệ. Nguyên liệu các nước G7. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 và tiêu chuẩn CE hoặc tương đương	Cuộn	420
4	Bộ dây truyền dịch kim cánh bướm	Van khoá điều chỉnh, kim chai sản xuất từ hạt nhựa ABS nguyên sinh. Van thoát khí có thiết kế màng lọc khí vô khuẩn. Buồng nhỏ giọt thể tích $\geq 8.5$ ml, có màng lọc dịch $\leq 15\mu\text{m}$ . Có bầu cao su tiếp thuốc. Dây dẫn cấu tạo từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, mềm dẻo, dai, độ đàn hồi cao, không gãy gập khi bảo quản và sử dụng; Độ dài dây truyền $\geq 1500$ mm. Bao bì có miếng giấy thoát khí EO 3,5x3,5 cm để thoát hết dư lượng khí EO trong quá trình tiệt trùng. Dây truyền dịch kèm kim hai cánh bướm 23Gx3/4". Đầu nối Luer lock có cơ chế xoay giúp cho việc gắn kết với kim luôn chắc chắn và dễ thao tác khi sử dụng. Đạt tiêu chuẩn CE ; TCVN 6591-4: 2018; tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485	Bộ	9.000
5	Bơm tiêm 50ml dùng cho máy bơm tiêm điện	Bơm tiêm nhựa liền kim 50ml, đầu xoắn, cỡ kim 23G; 25G. Pít tông có khía bề gậy để hùi sau khi sử dụng; Bề mặt gioăng phẳng giúp đẩy khí dễ dàng và đẩy hết thuốc khi tiêm, không chứa độc tố DEHP. Tiệt trùng bằng khí EO. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.	Cái	75

STT	Tên danh mục	Tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
6	Bơm tiêm nhựa 10ml	Bơm tiêm nhựa liền kim 10 ml, cỡ kim 23G, 25G sắc nhọn. Pít tông có khóa bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 và CE.	Cái	22.000
7	Bơm tiêm nhựa 1ml	Bơm tiêm nhựa liền kim 1ml cỡ kim 26Gx1/2"; gioăng có nút bơm hết hành trình giúp tiêm hết thuốc. Bơm tiêm đạt khoảng chết ≤ 0,03 ml. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 và CE.	Cái	200
8	Bơm tiêm nhựa 20ml	Bơm tiêm nhựa liền kim 20ml, cỡ kim 23G; 25G. Pít tông có khóa bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng; Bề mặt gioăng phẳng . Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 và CE.	Cái	100
9	Bơm tiêm nhựa 5ml	Bơm tiêm nhựa liền kim 5 ml, cỡ kim 23G, 25G sắc nhọn. Pít tông có khóa bẻ gãy để hủy sau khi sử dụng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 và CE.	Cái	8.500
10	Bông gạc 6cm x 15cm vô trùng	Sản phẩm được làm từ 2 lớp vải không dệt hút nước bên ngoài, và 1 lớp đệm bông tự nhiên tinh chế (100% cotton) ở giữa. Không có độc tố, không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng. Tốc độ hút nước =< 5 giây. Chất tan trong nước ≤0.5%. Độ pH: trung tính. Độ ẩm: 5 - 6.5%. Muối kim loại: không quá hàm lượng cho phép. Hàm lượng chất béo: không vượt quá 0,5% - Tiệt trùng bằng khí EO.Gas. Đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015; ISO 13485:2016;	Cái	100
11	Bông thấm nước	Bông y tế thấm nước 100% bông xơ thiên nhiên. Bông trắng, không mùi, mềm mịn, dai, không bị tơi và có độ thấm hút rất cao. Bông dạng dải, được cuộn thành cuộn chắc, đáp ứng yêu cầu của người sử dụng. Không độc tố và không gây dị ứng, không có tinh bột, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng. Tốc độ hút nước =< 5 giây. Độ acid và độ kiềm: Trung tính; Hàm lượng chất béo: Không vượt quá 0.5%. Các chất tan trong nước: ≤ 0,5%; Độ ẩm: ≤ 8%;	Kg	21
12	Chạc 3 truyền dịch kèm dây nối 25cm	Khóa ba chạc kèm dây nối 25cm: đầu khóa chắc chắn không rò rỉ, van 1 chiều an toàn. Chất liệu PC + PE (Polycarbonate+ Polyethylene) trong suốt, chịu lực tốt, độ bền vững cao, chống nứt gãy. Áp lực bền vững 2 bar # 29 PSI. Dung lượng, 1,40 ml(25cm) Dây nối chất liệu PCV không gây sốt, không chất cao su, tương thích với các loại thiết bị, chống xoắn dây (đạt chuẩn EN 13868-2020)Tiệt trùng EO. Hạn dùng 5 năm. Đạt tiêu chuẩn CE, ISO 9001, 13485:2016	Cái	25

STT	Tên danh mục	Tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
13	Cồn 96 độ	Nồng độ Ethanol 99%. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Lít	30
14	Cáp điện tim 3 cần	Dùng cho máy điện tim 3 cần ECG-1150	Cái	1
15	Cáp điện tim ( dùng cho máy điện tim 12 cần)	Dùng cho máy điện tim 12 cần Phụ kiện OEM tương thích với các loại monitor đi kèm	Cái	2
16	Dung dịch Khử khuẩn Mức độ Cao ortho-Phthalaldehyde CIDEX OPA	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Dung dịch khử khuẩn mức độ cao, thành phần ORTHO-PHTHALADEHYDE 0,55% và các thành phần khác, pH 7.2 - 7.8. Can 3.78l</li> <li>- Thời gian ngâm khử khuẩn mức độ cao cho dụng cụ là 5 phút, tái sử dụng trong vòng 14 ngày. Thời gian bảo quản dung dịch trong can là 75 ngày tính từ khi mở nắp.</li> <li>- Không gây ăn mòn dụng cụ, tương thích với nhiều loại dụng cụ và vật liệu (kể cả Polystyrene, Cyanoacrylate, EPO - TEK 353 epoxy), có que thử.</li> <li>- Tương thích với dụng cụ của các hãng sản xuất dụng cụ nội soi (Olympus, Pentax, GE, Karl Storz, đèn nội soi Fujinon...)</li> <li>- Diệt được hầu hết các loại vi khuẩn, vi rút, nấm, Trùng khuẩn lao (Mycobacterium bovis).</li> <li>- Đạt các tiêu chuẩn: EC, ISO 13485, CFS.</li> </ul>	Can	13
17	Đầu côn vàng	Dùng để cắm vào pipette để hút máu làm xét nghiệm Làm bằng nhựa, màu vàng. Phù hợp với các cây pipet trên thị trường. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Cái	15.000
18	Đầu côn xanh	Dùng để cắm vào pipette để hút máu làm xét nghiệm Làm bằng nhựa, màu xanh. Phù hợp với các cây pipet trên thị trường. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Cái	7.000
19	Dây nối bơm tiêm điện 140cm	Dây nối bơm tiêm điện. Dây chất liệu PVC không Latex. Dây dài 140 cm. <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đã tiệt trùng.</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485:2016 hoặc tương đương</li> </ul>	Cái	200
20	Dây thở oxy các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Dây dẫn có chiều dài <math>\geq 2m</math> được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC cao cấp, không chứa DEHP.</li> <li>- Đầu thở mềm, có 2 ống thẳng đưa vào mũi màu trắng trong, không có chất tạo màu.</li> <li>- Các cỡ: trẻ sơ sinh, trẻ em và người lớn.</li> <li>- Đã tiệt trùng.</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016.</li> </ul>	Bộ	500

STT	Tên danh mục	Tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
21	Dây truyền dịch	Dây dẫn: Dài $\geq 1500$ mm, được làm từ nhựa nguyên sinh PVC trắng silicon có độ đàn hồi cao, không gây gập khi bảo quản và sử dụng. Chứng nhận đạt không có chất gây tan huyết. Có cổng tiêm thuốc chữ Y. Đầu nối kim thiết kế khóa vặn để khóa chặt kim (Luer lock). Van thoát khí (van lọc khí): có thiết kế màng lọc khuẩn $0.2\mu\text{m}$ vô khuẩn làm từ chất liệu vải PP không dệt. Bầu đếm giọt dung tích $\geq 8.5$ ml. Đường kính ngoài 14.2mm - 14.5mm. Dài 45mm, có thành dày đều: 0.9mm. Có màng lọc dịch $15\mu\text{m}$ . - Kim: 21G x 1½", 22G x 1½", 23G x 1½", 22x3/4 và các cỡ khác theo yêu cầu. - Tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide,(E.O); Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485; CE hoặc tương đương	Bộ	14.000
22	Đồng hồ Ô-xy	Chất liệu đồng thau, tốc độ dòng chảy từ 1~15l/phút. Bộ bao gồm đồng hồ đo ôxy, cột đo lưu lượng khí ra, bình tạo ẩm, dây thờ.	Cái	20
23	Dung dịch rửa tay thường quy 1%	Chlorhexidine Digluconate 1% (w/w) và các chất phụ gia, chất dưỡng da (Glycerine, Alcohol Ethoxylates, Aloe Vera, Cocamide Diethanolamine, Vitamin E, Cocamidopropyl Betaine, ...) vừa đủ 100%.	Chai	30
24	Dung dịch sát khuẩn dụng cụ Cidezyme hoặc tương đương	- Dung dịch ngâm tẩy rửa dụng cụ hoạt tính enzyme, hiệu quả nhanh sau 1 phút. - pH trung tính không gây ăn mòn dụng cụ - Tương thích với nhiều loại dụng cụ - Đạt các tiêu chuẩn: EC, ISO, CFS	Chai	3
25	Dung dịch sát khuẩn tay nhanh 500ml	Chlorhexidine Digluconate 0,5% (v/v); Ethanol 73% (v/v); và các chất phụ gia, chất dưỡng da (Glycerine, Alpha- Terpineol, Alpha-Bisabolol, Aloe Vera, Vitamin E...) vừa đủ 100%.	Chai	20
26	Dung dịch sát khuẩn tay nhanh 1 lít	Thành phần: 75%tt/tt Ethanol 8%tt/tt Isopropyl Alcohol 0.5%tt/tt Chlorhexidine Digluconate. Hàm lượng phụ gia vừa đủ 100% Tiêu chuẩn: ISO 9001:2015 ISO 13485 :2016	Chai	100

STT	Tên danh mục	Tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
27	Đĩa petri	Đĩa petri nhựa với kích thước đường kính 90mm cao 15mm. Đĩa petri sử dụng để cấy vi sinh trong phòng thí nghiệm. Đĩa petri nhựa trong suốt và bề mặt phẳng thuận tiện cho việc nuôi cấy và quan sát. Đĩa petri nhựa được tiệt trùng bằng tia gamma theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2008, ISO 13485:2003 Đĩa Petri nhựa lý tưởng cho quy trình cấy vi sinh trong phòng thí nghiệm thông thường cũng như hệ thống máy tự động. Đĩa Petri nhựa sản xuất bằng nhựa PS chính phẩm. Đóng gói trong bao nhựa PP.	cái	20
28	Gạc lót đốc kim	Gạc được sản xuất từ vải không dệt thấm hút nhanh. Vải dạng lưới có lỗ, mềm, mịn, có màu trắng đồng nhất. Không có độc tố. Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phù tạng. Đã tiệt trùng.	Cái	1.500
29	Gạc cầu đa khoa	Gạc có cấu trúc hình cầu: • Dùng trong các trường hợp điều trị phẫu thuật. • Chất liệu từ 100% sợi cotton • An toàn cho người sử dụng. • Được tiệt xử lý bằng công nghệ tiệt trùng E.O.	Miếng	30
30	Găng tay kiểm tra các cỡ	- Chất liệu cao su thiên nhiên, có bột chống dính, không gây kích ứng. - Chiều dài $\geq 220$ mm, thuận cả tay trái và tay phải. - Có các cỡ S và M, độ dày tối thiểu 1 lớp $\geq 0,08$ mm. - Lực kéo đứt tối thiểu: Trước già hóa: $\geq 7,0$ N; Sau già hóa: $\geq 6,0$ N. - Độ giãn dài tối thiểu khi đứt : Trước già hóa: 650%; Sau già hóa: 500%. - Lượng bột bôi trơn (nằm ở mặt trong chiếc găng): $\leq 10$ mg/dm <sup>2</sup> . - Hàm lượng Protein dưới 200 $\mu$ g/dm <sup>2</sup> . - Đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015; ISO 13485:2016; CE hoặc tương đương.	Đôi	29.000
31	Găng tay tiệt trùng các số	- Chất liệu cao su thiên nhiên, đã ly tâm loại trừ các yếu tố tạp chất, độc tố, tác nhân gây dị ứng. - Chiều dài $\geq 280$ mm. - Có các cỡ 6,5 và 7, độ dày trung bình 1 lớp $\geq 0,15 \pm 0,2$ mm. - Cường lực khi đứt: Trước khi lão hóa: $\geq 12,5$ N, Sau lão hóa: $\geq 9,5$ N. - Độ giãn đứt: Trước lão hóa: min 700%, Sau lão hóa: min 550%. - Đã tiệt trùng. - Đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015; ISO 13485:2016; CE hoặc tương đương.	Đôi	400
32	Gel bôi trơn	Trong suốt, không màu, không mùi. Tan trong nước và dễ dàng rửa sạch bằng nước thường. Không gây kích ứng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Tub	6



STT	Tên danh mục	Tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
33	Gel siêu âm	Can 5 lít. Trong suốt, không màu hoặc màu xanh, tan trong nước và dễ dàng rửa sạch bằng nước thường. Gel không có chất ăn mòn, không gây hồng đầu dò, không chứa chất bảo quản và dầu đặc biệt không gây dị ứng cho da. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Can	1
34	Giấy điện tim 3 cần	Giấy 3 cần MC6330/16R2 phù hợp với máy của bệnh viện. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE	Cuộn	10
35	Giấy điện tim 12 cần	Giấy điện tim 12 cần. Kích thước 210mm x 280mm x 200 sheets. Tiêu chuẩn ISO 13485, CE.	Tập/ cuộn	12
36	Giấy in nhiệt máy nước tiểu	Giấy in nhiệt 5,7 cm.	Cuộn	50
37	Giấy siêu âm 11cm x 20m	Kích thước 11cm x 20m, dùng cho máy siêu âm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016.	Cuộn	10
38	Hộp an toàn đựng bơm kim tiêm	Caston 4 lớp 2 mặt cán bóng màng PE	cái	50
39	Khẩu trang N95	Cấu tạo khẩu trang: Bao gồm 5 lớp: Lớp 1: Màu trắng, SSS (medical treatments, sanitary material)-grade Nonwoven 50g -> Ngăn cản bụi trong không khí Lớp 2: Lớp giấy lọc meltdown đầu tiên BFE >99,9%, 25g Lớp 3: Filter sponge cotton 50g Lớp 4: Lớp giấy lọc meltdown thứ 2 BFE >99,9%, 25g Lớp 5: Lớp vải không dệt tiếp xúc với da mặt.	Cái	500
40	Khí oxy trong bình 10 lít	Đóng bình 10 lít chứa 1500 lít khí nén	Bình	13
41	Khí oxy trong bình 40 lít	Đóng bình 40 lít chứa 6000 lít khí nén	Bình	300
42	Kim chích máu	Đầu Kim bằng thép không rỉ, đầu kim 3 mặt cắt, sắc nhọn, dùng với bút chích máu, giúp lấy máu không đau. Vô trùng.	Cái	300
43	Kim lấy thuốc các số	Kim các số G18, G20. Thân kim được làm bằng thép không gỉ hoặc tốt hơn, mũi kim cắt vát 3 cạnh. Tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.	Cái	26.000
44	Kim luồn tĩnh mạch các số	Nòng kim bằng thép không rỉ, sắc, cắt vát 3 mặt. Thân catheter chất liệu ETFE. Đầu catheter ôm kim. Tiệt trùng bằng trùn điện tử. Có nhiều cỡ kim khác nhau. Thời gian lưu kim: $\geq 72$ giờ. Kích cỡ: 18G; 20G; 22G; 24G Đã tiệt trùng Đạt tiêu chuẩn ISO 13485-2016, CE hoặc tương đương	Cái	1.600

STT	Tên danh mục	Tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
45	Lam kính	Nguyên vật liệu: Kính soda vôi đạt chuẩn Độ dày: 1.0-1.2 mm Kích thước khoảng 25.4 x 76.2mm	Hộp	20
46	La men 22x22mm	Chất liệu bằng thủy tinh borosilicate kháng hóa chất của lớp thủy phân đầu tiên, trong suốt, có thể sử dụng để quan sát dưới kính hiển vi huỳnh quang. Tiêu bản hình vuông kích cỡ 22x22mm	Hộp	2
47	cốc đựng mẫu bệnh phẩm	Chất liệu 100% nhựa y tế nhựa PS	Lọ	3.800
48	Mask khí dung các số	Mặt nạ khí dung làm bằng nhựa PVC y tế. Kẹp mũi có thể điều chỉnh. Dây chống xoắn 2m, màu sắc trong suốt. Đóng gói riêng từng chiếc. Kích cỡ có sẵn thích hợp cho trẻ em và người lớn. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương.	Cái	70
49	Mask oxy có túi	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Làm bằng silicon hoặc plastic, có túi.</li> <li>• Các đường mép nhẵn, êm làm cho bệnh nhân dễ chịu và giảm sự kích ứng.</li> <li>• Dây dẫn cung cấp oxy dạng ống dài 200cm</li> </ul> Túi 1 bộ. Đạt tiêu chuẩn ISO,CE.	Cái	10
50	Mũ phẫu thuật vô trùng	Vải không dệt polypropylen cao cấp Màu xanh đồng đều, không loang bần, ko dính tạp chất. Độ co giãn tốt. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 hoặc tương đương	Cái	2.700
51	Nước cất vô trùng	Nước cất 1 lần. Can 5 lít.	Lít	155
52	Nhiệt kế	Được làm từ thủy tinh trong suốt, bên trong có vạch chia độ và dải thủy ngân. Nhiệt độ đo được tối đa 35-42°C	Cái	10
53	Ống chống đông EDTA 12 x 75mm	Chất liệu: Ống được làm bằng nhựa y tế PP , kích thước ống 12x75mm, Nắp xanh dương, nắp bằng nhựa LDPE mới 100%, nắp nhựa LDPE đậy kín thành ống và được giữ chặt bởi khe tròn giữa 3 vòng răng ở thành trong của nắp và lõi lọt lòng trong của ống. Hóa chất bên trong là Ethylenediaminetetra Acid (EDTA K2) với nồng độ tiêu chuẩn để giữ các tế bào trong máu nhất là tiểu cầu luôn ở trạng thái tách rời tối đa từ 6 - 8 giờ. Dùng trong xét nghiệm huyết học (công thức máu và xét nghiệm HbA1c...). Hóa chất bên trong dùng kháng đông cho 1ml hoặc 2ml máu với vạch lấy mẫu 1ml hoặc 2ml riêng biệt trên nhãn ống.	Ống	2.800

STT	Tên danh mục	Tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
		Có phiếu phân tích chất lượng của cơ quan chức năng kiểm định với nồng độ muối EDTA phải ở trong khoảng từ 1,2 mg đến 2mg EDTA khan trên 1ml máu, và chịu được lực quay ly tâm gia tốc 6.000 vòng/phút trong thời gian từ 5 - 10 phút. Dùng trong xét nghiệm huyết học (công thức máu và xét nghiệm HbA1c..). Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương		
54	Ống chống đông Heparin 12 x 75mm	Chất liệu: Ống được làm bằng nhựa y tế PP, nắp bằng nhựa LDPE mới 100%, Nắp nhựa LDPE đậy kín thành ống và được giữ chặt bởi khe tròn giữa 3 vòng răng ở thành trong của nắp và lõi lọt lòng trong của ống. Hóa chất: Được bơm hóa chất chống đông Lithium Heparin dưới dạng hạt sương, Kích thước ống 12x75mm, có vạch định mức lấy mẫu, chịu được lực quay ly tâm 6000 vòng/phút trong vòng 5 - 10 phút, nhãn màu đen, có phiếu kiểm định chất lượng của cơ quan kiểm định . Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Ống	3.600
55	Ống máu lắng Westergreen	- Nắp cao su và thân bằng thủy tinh kích thước: 8 x 120mm - Thể tích lấy máu: 1.28ml - Hóa chất bên trong: Sodium Citrate 3.2% - Có vạch thể tích trên thân ống cho dung tích lấy máu chính xác - Đóng gói: 100 ống/ khay - Sử dụng kim lấy máu chân không và ống giữ kim lấy máu để đưa vào ống - Với công nghệ phun sương hóa chất đều trên thành ống.	Ống	1.350
56	Ống nghiệm nhựa (cho máy nước tiểu tự động)	Ống nghiệm PS tinh khiết 100%, dung tích 10ml, kích thước 16x100mm. Sử dụng nhựa trung tính không phản ứng với các loại hóa chất bên trong.	Ống	800
57	Ống nghiệm thủy tinh 1 x 7cm	Chất liệu thủy tinh, kích thước 1 x 7cm	Ống	200
58	Ống nghiệm nhựa không nắp dài 7cm	Ống nghiệm PS tinh khiết 100%, dung tích 5ml, kích thước 12x75mm. Sử dụng nhựa trung tính không phản ứng với các loại hóa chất bên trong.	Cái	15.000
59	Ống thổi đo chức năng hô hấp	Làm bằng giấy, sử dụng để kiểm tra chức năng hô hấp	Cái	1.500
60	Phim X Quang DI-HL 25X30cm	Phim khô laser cỡ 25x30 cm tương thích máy in phim khô laser Fujifilm, hộp 150 tờ, sử dụng công nghệ Eco Dry thân thiện môi trường, phim gồm 4 lớp: lớp bảo vệ, lớp nhạy sáng, lớp phim, lớp bảo vệ. Mật độ tối đa 3.3. Hộp 150 tờ Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016, CE hoặc tương đương	Tờ	3.750

STT	Tên danh mục	Tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
61	Tấm bông vô trùng ( lấy bệnh phẩm)	Hộp 100 cái	Cái	100
62	Fiter lọc khuẩn cho đường thở ( Fiter lọc khuẩn dùng cho máy đo chức năng hô hấp)	Được làm từ Polymer y tế, với đầu nối tiêu chuẩn, Vật liệu lọc khuẩn là sợi polypropylene tinh điện chất lượng cao, là vật liệu li nước, không tốt cho sự phát triển của nấm, vi khuẩn và virus.. Đường kính trong và đường kính ngoài đầu cắm vào máy, đường kính ngoài ống ngậm cho bệnh nhân tương thích với từng loại máy khác nhau.	Cái	1.300
63	Viên khử khuẩn	Thành phần: 2,5g Troclosesense sodium 50% Viên nặng 5g có thành phần: hoạt chất Troclosesense Sodium 50% tương đương 2.5g/viên, Apidic acid 1,2g/viên tương đương 24% trọng lượng 1 viên - Dạng viên sủi tan nhanh trong nước. Khử khuẩn dụng cụ, bề mặt, đồ vải. - Đạt các tiêu chuẩn: ISO13485, CFS, GMP	viên	900
<b>3. Hóa chất cho máy xét nghiệm huyết học huyết học SFRI Countender 20+</b>				
1	Dung dịch pha loãng	Dung dịch muối ổn định để pha loãng máu người, định lượng và định tính hồng cầu (RBC), bạch cầu (WBC), huyết khối (PLT) và đo nồng độ HGB trên máy phân tích huyết học tự động. Dung tích $\geq 20$ Lít.	Can/hộp/tùng	6
2	Dung dịch phá vỡ hồng cầu 3 thành phần	Dung dịch ly giải stromatolysis của hồng cầu (RBC), để định lượng của bạch cầu (WBC), và ba thành phần bạch cầu (LYM, MID, GRA) và đo nồng độ hemoglobin (HGB) trong máu người trên máy phân tích huyết học tự động. Dung tích $\geq 1$ lít.	Chai/hộp/lọ	6
3	Dung dịch rửa máy	Chất tẩy rửa làm nhiễm bẩn dung dịch vi lọc để làm sạch thường xuyên, rửa các mao mạch, ống và khoang của máy phân tích huyết học, loại bỏ kết tủa thành phần máu. Dung tích $\geq 1$ lít.	Chai/hộp/lọ	16
4	Dung dịch rửa máy đậm đặc	Dung dịch hypochlorite kiềm để làm sạch oxy hóa chuyên sâu các mao mạch, đường ống và các buồng của máy phân tích huyết học, nhằm loại bỏ kết tủa thành phần máu và cặn lipoprotein. Dung tích $\geq 100$ ml.	Chai/hộp/lọ	8
<b>4. Huyết thanh mẫu</b>				
1	Huyết thanh coombs (Anti Human globulin)	Thuốc thử xét nghiệm xác định Anti Human globulin (AHG) phát hiện các phân tử kháng thể không kết tụ cũng như các phân tử bổ sung gắn vào các tế bào đỏ sau các phản ứng kháng nguyên kháng thể.	Chai/hộp/lọ	1

STT	Tên danh mục	Tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
2	Thuốc thử xét nghiệm định nhóm máu A	Thuốc thử xét nghiệm xác định nhóm máu A hệ ABO. Dòng tế bào Anti A BRMA-1 sẽ phát hiện kháng nguyên A. Anti A có màu xanh lam. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Chai/hộp/ lọ	1
3	Thuốc thử xét nghiệm định nhóm máu B	Thuốc thử xét nghiệm xác định nhóm máu B hệ ABO. Dòng tế bào Anti B LB-2 sẽ phát hiện kháng nguyên B. Anti có màu vàng. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Chai/hộp/ lọ	1
4	Thuốc thử xét nghiệm định nhóm máu AB	Thuốc thử xét nghiệm xác định nhóm máu AB hệ ABO. Dòng tế bào Anti AB ES-4 / ES-15 sẽ phát hiện kháng nguyên A, Ax hoặc B. Anti AB không có màu. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485.	Chai/hộp/ lọ	1
5	ANTI-D	Thuốc thử xét nghiệm xác định nhóm máu D hệ ABO. Dung dịch có chứa nồng độ protein thấp và IgM đơn dòng của người và IgG kháng D. Thuốc thử này sẽ trực tiếp ngưng kết các tế bào Rh D dương tính, bao gồm phần lớn các biến thể (nhưng không phải DVI) và tỷ lệ D yếu (Du) cao.	Chai/hộp/ lọ	1
<b>5. Hóa chất xét nghiệm cho máy sinh hóa bán tự động BSA3000</b>				
1	Dung dịch rửa máy sinh hóa	Dung dịch rửa hệ thống. Thành phần bao gồm: Baypur CX 100; Sodium Hydroxide 1 - 2%; Genapol X080 1 - 2%; Sulfonic acids, C14-17-sec-alkane, muối natri 1 - 5%. Dung tích $\geq 2,5l$	Hộp	1
2	Định lượng Acid Uric	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Uric Acid ; dải đo: 89-1785 $\mu\text{mol/L}$ ; phương pháp: Uricase/POD . Thành phần: MADB 0.15 mmol/L; 4-Aminophenazone 0.30 mmol/L; Peroxidase $\geq 5.9$ kU/L (98 $\mu\text{kat/L}$ ); Uricase $\geq 0.25$ kU/L (4.15 $\mu\text{kat/L}$ ); Ascorbate Oxidase $\geq 1.56$ kU/L (26 $\mu\text{kat/L}$ ). Dung tích (R1 + R2) $\geq 240\text{ml}$	Hộp	1
3	Định lượng Albumin	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Albumin ; dải đo: 15-60 g/L ; phương pháp: Bromocresol Green (BCG), bước sóng 600/800 nM . Thành phần: Succinate buffer (pH 4.2) 100 mmol/L; Bromocresol green 0,2 mmol/L Dung tích $\geq 216\text{ml}$	Hộp	1
4	Định lượng Triglycerid	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Triglyceride ; dải đo: 0.1-11.3 mmol/L; phương pháp: GPO-POD; bước sóng 660/800 nM. Thành phần: 4-Aminoantipyrine 0.5 mmol/L; Lipases 1.5 kU/L (25 $\mu\text{kat/L}$ ); Glycerol kinase 0.5 kU/L (8.3 $\mu\text{kat/L}$ ); Peroxidase 0.98 kU/L (16.3 $\mu\text{kat/L}$ ); Ascorbate oxidase 1.48 kU/L (24.6 $\mu\text{kat/L}$ ); Glycerol-3-phosphate oxidase 1.48 kU/L (24.6 $\mu\text{kat/L}$ ). Dung tích (R1 + R2) $\geq 250\text{ml}$	Hộp	2

STT	Tên danh mục	Tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
5	Định lượng Ure	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Urea/Urea nitrogen ; dải đo: 0.8-50 mmol/L ; phương pháp: Urease/GLDH . Thành phần: NADH $\geq$ 0.26 mmol/L; 2-Oxoglutarate $\geq$ 9.8 mmol/L ;Urease $\geq$ 17.76 kU/L; GLDH $\geq$ 0.16 kU/L. Dung tích (R1 + R2) $\geq$ 424ml	Hộp	6
6	Định lượng (GOT)	Hóa chất dùng cho xét nghiệm AST ; dải đo: 3-1000 U/L ; Phương pháp dựa trên khuyến nghị của IFCC. Thành phần: L-aspartate 240 mmol/L; 2-Oxoglutarate 12 mmol/L; LDH $\geq$ 0.9 kU/L; MDH $\geq$ 0.6 kU/L; NADH 0.20 mmol/L. Dung tích (R1 + R2) $\geq$ 48ml	Hộp	6
7	Định lượng Protein toàn phần	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Protein toàn phần ; dải đo: 30-120 g/L ; phương pháp: Biuret. Thành phần: Sodium hydroxide 200 mmol/L; Potassium sodium tartrate 32 mmol/L; Copper sulphate 18.8 mmol/L; Potassium iodide 30 mmol/L. Dung tích (R1 + R2) $\geq$ 200ml	Hộp	1
8	Định lượng Bilirubin toàn phần	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Total Bilirubin ; dải đo: 0-513 $\mu$ mol/L ; phương pháp: DPD, bước sóng 540 nM. Thành phần: Caffeine 2.1 mmol/L; 3,5-dichlorophenyldiazonium tetrafluoroborate 0.31 mmol/L. Dung tích (R1 TBILC + R1 TBILB) $\geq$ 120ml	Hộp	1
9	Định lượng Bilirubin trực tiếp	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Bilirubin trực tiếp ; dải đo: 0-171 $\mu$ mol/L ; phương pháp: DPD, bước sóng 570 nM. Thành phần: 3,5 Dichlorophenyl diazonium tetrafluoroborate 0.08 mmol/L. Dung tích (R1 DBILC + R1 DBILB) $\geq$ 48ml	Hộp	1
10	Định lượng (GPT)	Hóa chất dùng cho xét nghiệm ALT ; dải đo: 3-500U/L ; phương pháp dựa trên khuyến nghị của IFCC. Thành phần: L-Alanine 500 mmol/L; 2-Oxoglutarate 12 mmol/L; LDH $\geq$ 1.8 kU/L; NADH 0.20 mmol/L. Dung tích (R1 + R2) $\geq$ 72ml	Hộp	6
11	Định lượng GGT	Hóa chất dùng cho xét nghiệm GGT ; dải đo: 5-1200 U/L ; phương pháp dựa trên khuyến nghị của IFCC. Thành phần: Glycylglycine pH 7,7 (37°C) 150 mmol/L;L- $\gamma$ -glutamyl-3-carboxy-4-nitroanilide 6 mmol/L Dung tích (R1 + R2) $\geq$ 144ml	Hộp	1
12	Định lượng Glucose	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Glucose ; dải đo: 0.6-45 mmol/L ; phương pháp: Hexokinase, bước sóng 340 nM. Thành phần: Đệm PIPES (pH 7,6) 24,0 mmol/L, ATP $\geq$ 2,0 mmol/L, Hexokinase $\geq$ 0,59 kU/L, G6P-DH $\geq$ 1,58 kU/L. Dung tích (R1 + R2) $\geq$ 150ml	Hộp	4

STT	Tên danh mục	Tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
13	Định lượng Creatinin	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Creatinine ; dải đo: 5-2200 $\mu\text{mol/L}$ ; phương pháp: Kinetic Jaffe, bước sóng 520/800 nM. Thành phần: Natri hydroxide 120 mmol/L; Axit picric 2,9 mmol/L. Dung tích (R1 + R2) $\geq$ 408ml	Hộp	6
14	Định lượng Cholesterol toàn phần	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Cholesterol ; dải đo: 0.5-18 mmol/L ; phương pháp: CHO-POD; bước sóng 540/600 nM. Thành phần: 4-Aminoantipyrine 0,31 mmol/L; Phenol 5,2 mmol/L; Cholesterol esterase $\geq$ 0,2 kU/L (3,3 $\mu\text{kat/L}$ ); Cholesterol oxidase $\geq$ 0,2 kU/L (3,3 $\mu\text{kat/L}$ ). Dung tích $\geq$ 90ml	Hộp	2
	<b>6. Hóa chất Nội kiểm</b>			
1	Dung dịch kiểm chuẩn cho xét nghiệm sinh hóa (mức thường)	Hóa chất kiểm chuẩn (mức thường) cho các chất: Uric Acid, Albumin, GPT, GOT, Amylase, Total Bilirubin, Direct Bilirubin, Calcium, Chloride, Cholesterol, HDL, LDL, Creatine, Cholinesterase, CK, CK-MB, Alkaline Phosphate, GGT, Fructosamine, Glucose, Iron, Lactate, LDH, Lipase, Lithium, Magnesium, Potassium, Total protein, Sodium, Triglycerides, Urea. Thành phần: chất kiểm soát đông khô dựa trên huyết thanh người và chứa các thành phần vô cơ của người, động vật đã được tinh chế, kiểm tra âm tính với HBsAg, anti-HCV và anti HIV1+2.	Hộp	1
2	Dung dịch kiểm chuẩn cho xét nghiệm sinh hóa (mức bệnh)	Hóa chất kiểm chuẩn (mức bệnh) cho các chất: Uric Acid, Albumin, GPT, GOT, Amylase, Total Bilirubin, Direct Bilirubin, Calcium, Chloride, Cholesterol, HDL, LDL, Creatine, Cholinesterase, CK, CK-MB, Alkaline Phosphate, GGT, Fructosamine, Glucose, Iron, Lactate, LDH, Lipase, Lithium, Magnesium, Potassium, Total protein, Sodium, Triglycerides, Urea. Thành phần: chất kiểm soát đông khô dựa trên huyết thanh người và chứa các thành phần vô cơ của người, động vật đã được tinh chế, kiểm tra âm tính với HBsAg, anti-HCV và anti HIV1+2.	Hộp	1
3	Máu chuẩn dùng cho máy xét nghiệm huyết học	Dùng để kiểm chuẩn máy huyết học 3 thành phần Bạch cầu. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO13485. Lọ $\geq$ 3 ml	Lọ	1
	<b>7. Hóa chất giải phẫu bệnh</b>			
1	Giêm sa mẹ	Dung dịch nhuộm Giemsa	Chai	1

STT	Tên danh mục	Tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng
	<b>8. Thành phần cho máy nước tiểu Mision U120</b>			
1	Test thử nước tiểu 10 thông số	Que thử nước tiểu 10 thông số Multistix 10 SG 100 được dùng cho máy phân tích nước tiểu bán tự động - 10 thông số xét nghiệm của que thử nước tiểu Multistix 10SG 100 bao gồm: bilirubin, blood (occult), glucose, ketone (acetoacetic acid), SG, leukocytes, nitrite, pH, protein, urobilinogen.	Hộp	8
	<b>9. Hóa chất xét nghiệm AFB trực tiếp</b>			
1	Fuchsin basic	Fuchsin Dung dịch nhuộm đờm (AFB) trực tiếp	Hộp	1
2	Methylene blu	Methylene Dung dịch nhuộm đờm (AFB) trực tiếp	Hộp	4
3	Hydrochloric acid (HCL)	Hydrochloric acid Dung dịch nhuộm đờm (AFB) trực tiếp	Hộp	2
4	Phenol	Phenol Dung dịch nhuộm đờm (AFB) trực tiếp	Hộp	1
5	Microscopy Immersion oil (dầu soi)	Dầu soi kính hiển vi	Hộp	1
	<b>10. Hóa chất xét nghiệm cho y tế dự phòng</b>			
1	Bộ nhuộm Gram	Dùng để phân biệt các loại khuẩn gram + hoặc gram (-). Bộ nhuộm Gram gồm 4 loại dung dịch: dung dịch tím tinh thể, dung dịch Lugol, dung dịch khử màu và dung dịch safranin.	Bộ	1